

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15/9/2020

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hùng

Bà Đặng Thị Liễu

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Quốc Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Ông Ngô Trường Út - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Hải H, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thế N, sinh năm 1987; ĐKKHKT: Thôn Đ, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; hiện trú tại: Thôn C, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Ngân hàng TMCP quốc tế V; địa chỉ: Tầng 1 và tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V -Tổng Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hàn Ngọc V: Bà Trần Thị Thu H – Giám đốc trung tâm quản lý nợ khách hàng cá nhân, khối quản trị rủi ro (theo văn bản ủy quyền số 3.0141.17 ngày 16/01/2017) (vắng mặt).

Người được ủy quyền lại của bà Trần Thị Thu H: Ông Đỗ Văn T– Cán bộ Ngân hàng TMCP Quốc tế V (vắng mặt). Địa chỉ: Tầng 6 Tòa nhà CornerStone, 16 P, quận H, thành phố Hà Nội (theo văn bản ủy quyền số 94736.20 ngày 26/02/2020); bà Đỗ Thị Thanh T, sinh năm 1998 (vắng mặt) và ông Chu Cao T,

sinh năm 1979 (có mặt)– đều là cán bộ Ngân hàng TMCP Quốc tế V; đều có địa chỉ tại: Tầng M, tòa nhà Tổng công ty G, số 37 Ngô Q, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 18/3/2019 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Phan Thị Hải H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Thế N ngày 21/6/2017, trước khi cưới được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Vĩnh Yên. Tổ chức xong chị về làm ăn chung sống cùng gia đình anh N ngay. Quá trình vợ chồng chung sống mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh N thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị. Đến ngày 04/8/2017 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ đó cho đến nay.

Ngày 10/4/2019 chị gửi đơn lên Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch đề xin ly hôn với anh N, Tòa án đã thụ lý và xét xử cho chị và anh N được ly hôn và giải quyết về con cái, tài sản và công nợ. Sau khi Tòa án xét xử xong chị đi làm và được biết Ngân hàng TMCP Quốc tế V kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc nhưng chị đi làm không về làm việc được. Nay Tòa án tỉnh Vĩnh Phúc đã xét xử phúc thẩm tại bản án số: 09/2020/HNGĐPT ngày 16/3/2020 đã xét xử hủy một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 30/2019/HNGĐ-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện lập Thạch để giải quyết lại vụ án về phần tài sản và công nợ theo quy định của pháp luật. Ngày 13/5/2020 Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch đã thụ lý lại vụ án và ngày 30/7/2020 Tòa án có thông báo về việc thụ lý yêu cầu độc lập đối với khoản tiền vay ngân hàng của chị và anh N. Nay chị xác định tài sản chung của chị và anh N chỉ có một xe ô tô Hyundai Grand I10 biển kiểm soát 88A-162.00 trị giá 280.000.000đ, ngoài ra không có tài sản khác hiện nay anh N đang quản lý và để anh N sử dụng.

Về công nợ: Chị và anh N có vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế V chi nhánh Vĩnh Phúc số tiền 356.000.000đ để mua xe ô tô Hyundai Grand I10 biển kiểm soát 88A-162.00 và dùng chiếc xe đó để thế chấp cho khoản vay. Ngoài ra chị và anh N còn vay ngân hàng TMCP Quốc tế V chi nhánh Vĩnh Phúc số tiền là 300.000.000đ, mục đích là sửa chữa nhà và mua sắm tài sản và thế chấp quyền sử dụng đất là thửa đất số 847 tờ bản đồ số 18 diện tích 100m² tại khu vực Giếng Mặn, thôn Chiến Thắng, xã Xuân Lôi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Thế N được cấp ngày 14/5/2015 (là tài sản riêng của anh N có trước khi vợ chồng kết hôn). Đối với số tiền vay 300.000.000đ thực tế không để sử dụng sửa chữa nhà ở mà anh N sử dụng vào mục đích gì chị không biết (cả hai hợp đồng vay ngân hàng chị đều ký). Nay ngân hàng đề nghị chị và anh N thanh toán khoản nợ trên chị không đồng ý vì anh N là người sử dụng tài sản anh N phải có trách nhiệm trả nợ.

Quá trình chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ anh N có trả cho Ngân hàng TMCP

Quốc Tế V chi nhánh Vĩnh Phúc số tiền 56.000.000đ là khoản tiền riêng của anh không phải khoản chung của vợ chồng. Nay anh N yêu cầu chị trả lại cho anh số tiền anh đã trả cho ngân hàng chị không đồng ý.

Ngoài ra các lần Tòa án báo gọi chị đều được mẹ chị thông báo cho biết nhưng do chị đi làm vắng mẹ chị không nhận giấy báo của Tòa án.

Bị đơn anh Nguyễn Thế N vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết anh trình bày:

Về tài sản: Vợ chồng có tài sản chung là một xe ô tô Hyundai Grand I10 biển kiểm soát 88A-162.00 đăng ký xe đứng tên anh mua năm 2017. Hiện nay anh đang quản lý. Ngoài ra không có tài sản gì khác.

Đối với diện tích đất tại thửa đất số 847, tờ bản đồ số 18, địa chỉ tại Khu vực Giếng Mận, thôn Chiến Thắng, xã Xuân Lôi, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, diện tích 100m², đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất đứng tên anh (thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh không nhớ rõ) diện tích đất này là do anh mua trước khi kết hôn với chị H, là tài sản riêng của anh.

Về công nợ: Vợ chồng anh không cho ai vay mượn gì và có nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V, chi nhánh Vĩnh Phúc hai khoản nợ: 01 khoản nợ 300.000.000đ vay để sửa nhà vay thời điểm cụ thể ngày tháng không nhớ nhưng anh xác định là năm 2017. Khoản vay thế chấp diện tích đất 100m² đất là tài riêng của anh. 01 khoản nợ vay 356.000.000đ vay khoảng năm 2017 ngày tháng cụ thể anh không nhớ. Khoản vay này thế chấp chiếc xe ô tô I10 BKS 88A-162.00. Anh xác định hai khoản vay trên là nợ chung của vợ chồng. Số tiền anh đã trả ngân hàng anh không nhớ chính xác anh xác định là khoản tiền riêng của anh, không phải tiền chung của vợ chồng.

Đối với tài sản chung, công nợ anh đề nghị chia đôi cả xe ô tô và các khoản nợ chia đều cho anh và chị H. Đối với khoản tiền anh đã trả cho ngân hàng là tài sản riêng của anh, anh đề nghị chị H phải thanh toán trả lại cho anh một nửa số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ngân hàng TMCP quốc tế V trình bày: Anh Nguyễn Thế N, chị Phan Thị Hải H có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế V (VIB) – Chi nhánh Vĩnh Phúc theo 02 (Hai) Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng (cho vay sửa chữa nhà) số 018CN292.HĐTD.17 ngày 23/06/2017: Số tiền vay: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); Mục đích giải ngân: sửa chữa nhà ở trên nền đất cũ (bao gồm mua sắm vật dụng gia đình) tại ngôi nhà có địa chỉ Khu vực Giếng Mận, thôn Chiến Thắng, xã Xuân Lôi, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc; Thời hạn vay: 180 tháng, từ 24/06/2017 đến 23/06/2032; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9,09%/năm. Hoàn trả Khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 25 với số tiền gốc 1.667.000đ, số còn lại trả vào cuối

kỳ cuối cùng. Trả nợ lãi: Hàng tháng vào ngày 25 tính theo dư nợ thực tế. Ngày trả nợ đầu tiên: 25/07/2017.

Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 018CN329.HĐTD.17 ngày 10/07/2017: Số tiền vay: 356.000.000đ (Ba trăm năm mươi sáu triệu đồng); Mục đích giải ngân: thanh toán tiền mua xe ô tô mới 100% nhãn hiệu Hyundai; Thời hạn vay: 96 tháng, từ 11/07/2017 đến 10/07/2025; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 8,09%/năm. Hoàn trả Khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 25, mỗi tháng trả 3.708.000đ số còn lại trả khi đến hạn. Trả nợ lãi: Hàng tháng vào ngày 25 theo dư nợ thực tế phát sinh. Ngày trả nợ đầu tiên: 25/07/2017, ngày trả nợ cuối cùng: 10/07/2025.

Biện pháp bảo đảm tiền vay:

Tài sản thứ nhất là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 847, tờ bản đồ số 18, địa chỉ tại Khu vực Giếng Mận, thôn Chiến Thắng, xã Xuân Lôi, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, diện tích 100m², Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 780787 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 14/05/2015 cho ông Nguyễn Thế N. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có số công chứng 2702/2017/HĐTC, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Vĩnh Phú công chứng ngày 23/06/2017 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Tài sản thứ hai là: Xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, biển số: 88A-162.00. Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cấp ngày 06/07/2017 cho ông Nguyễn Thế N. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải có số công chứng 3218/2017/HĐTC, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Vĩnh Phú công chứng ngày 10/07/2017 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Trong quá trình thực hiện 02 (hai) Hợp đồng tín dụng, anh N và chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Sau khi phát sinh nợ quá hạn, VIB đã nhiều lần đôn đốc tạo điều kiện cho anh N và chị H thanh toán nợ cho VIB nhưng anh N và chị H đã không thực hiện. Tính đến ngày 14/9/2020 là nợ gốc: 559,123,867đ; nợ lãi trong hạn: 109.402.655đ; nợ lãi quá hạn: 30.631.027đ. Tổng cộng 699.157.549đ (*Sáu trăm chín mươi chín triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm bốn mươi chín đồng*).

Để bảo vệ quyền và lợi ích của VIB, VIB kính đề nghị Quý Tòa xem xét, giải quyết tranh chấp như sau:

Buộc anh Nguyễn Thế N và chị Phan Thị Hải H phải trả Ngân hàng TMCP Quốc Tế V số tiền tạm tính đến ngày 14/9/2020 là nợ gốc: 559,123,867đ; nợ lãi trong hạn: 109.402.655đ; nợ lãi quá hạn: 30.631.027đ. Tổng cộng 699.157.549đ (*Sáu trăm chín mươi chín triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm bốn mươi chín đồng*).

Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn phát sinh theo Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và theo quy định của pháp luật cho đến ngày anh Nguyễn Thế N và chị Phan Thị Hải H thanh toán toàn bộ khoản vay.

Trường hợp anh N và chị H không trả hết nợ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP Quốc Tế V được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là:

Tài sản thứ nhất là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ tại: Khu vực Giếng Mặn, thôn Chiến Thắng, xã Xuân Lôi, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác số BP 780787, sổ vào sổ cấp GCN: CS 00439 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 14/05/2015 cho ông Nguyễn Thế N.

Căn cứ bản án số 31/2020/HS-ST ngày 30/6/2020 của TAND huyện Tam Dương, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch tuyên Ngân hàng TMCP Quốc Tế V được quyền xử lý xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, số loại Grand, biển kiểm soát 88A-162.00, màu sơn trắng, số khung: MALA851AAJM609449, số máy: G3LAHM277467; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025578 do Phòng Cảnh sát giao thông – công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 06/7/2017 cho ông Nguyễn Thế N để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế V.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị tòa án tuyên anh N, chị H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế V.

Tại bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện lập Thạch quyết định: Căn cứ vào: Điều 29, 33, 43, 51, 56, 57, 59, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, 4 Điều 147, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Hải H với anh Nguyễn Thế N.

Về con chung: Giao cho chị Phan Thị Hải H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 09/5/2017; anh N không phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về tài sản: Giao cho anh Nguyễn Thế N quản lý, sử dụng: 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand I10 biển kiểm soát 88A-162.00.

Buộc chị H phải thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Nguyễn Thế N là 168.696.600đ.

Kể từ ngày anh Nguyễn Thế N có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên chị Phan Thị Hải H không trả được, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về công nợ: Anh N có trách nhiệm trả 02 khoản nợ Ngân hàng TMCP Quốc tế V theo hợp đồng tín dụng số 018CN292.HĐTD.17 ngày 23/6/2017 và số 018CN329.HĐTD.17 ngày 10/7/2017.

Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chị H phải nộp 600.000đ, xác nhận chị H đã nộp đủ.

Về án phí: Chị Phan Thị Hải H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000063 ngày 10/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị H và anh N mỗi người phải nộp 7.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo và thi hành án cho các đương sự.

Tại bản án số: 09/2020/HNGĐ-PT ngày 16/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Hủy một phần bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 30/2019/HNGĐ-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch về tài sản và công nợ. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch để giải quyết lại vụ án về phần tài sản theo quy định của pháp luật và quyết định về án phí, chi phí thẩm định định giá tài sản.

2. Về án phí: Ngân hàng TMCP Quốc tế V không phải nộp án phí phúc thẩm, được hoàn trả lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số: AA/2017/0007491 ngày 21/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

3. Số tiền tạm ứng án phí chia tài sản sơ thẩm, chi phí thẩm định và định giá tài sản của nguyên đơn đã nộp được quyết định khi Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch giải quyết lại vụ án.

Ngày 13/5/2020 Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch thụ lý giải quyết theo thủ tục chung.

Ngày 30/7/2020 Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch thụ lý yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Quốc tế V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch thụ lý vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tuân thủ đúng các quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên tòa đến khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan, đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 59, Điều 60 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 357, Điều 465, Điều 466, Điều 467 Bộ luật dân sự.

Về tài sản, công nợ: Xác định chiếc xe ô tô Hyundai Grand I10, biển số: 88A-162.00 là tài sản chung của vợ chồng, giao cho anh N sử dụng thanh toán cho chị H 140.000.000đ.

Anh N có trách nhiệm trả ngân hàng hai khoản nợ chị H thanh toán ½ công nợ cho anh N.

Chị H trả cho anh N 28.000.000đ là khoản tiền riêng của anh N.

Về án phí chị H, anh N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chị Phan Thị Hải Hậu đối với bị đơn là anh Nguyễn Thế Nam. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Ngày 18/3/2019 chị Phan Thị Hải H có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Thế N và đề nghị giải quyết về con chung, công nợ, tài sản. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Thế N là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Tại bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện lập Thạch xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Hải H với anh Nguyễn Thế N.

Về con chung: Giao cho chị Phan Thị Hải H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 09/5/2017; anh N không phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về tài sản: Giao cho anh Nguyễn Thế N quản lý, sử dụng: 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand I10 biển kiểm soát 88A-162.00.

Buộc chị H phải thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Nguyễn Thế N là 168.696.600đ.

Kể từ ngày anh Nguyễn Thế N có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên chị Phan Thị Hải H không trả được, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về công nợ: Anh N có trách nhiệm trả 02 khoản nợ Ngân hàng TMCP Quốc tế V theo hợp đồng tín dụng số 018CN292.HĐTD.17 ngày 23/6/2017 và số 018CN329.HĐTD.17 ngày 10/7/2017.

Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chị H phải nộp 600.000đ, xác nhận chị H đã nộp đủ.

Về án phí: Chị Phan Thị Hải H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000063 ngày 10/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị H và anh N mỗi người phải nộp 7.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo và thi hành án cho các đương sự.

Tại bản án số: 09/2020/HNGĐ-PT ngày 16/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quyết định:

Hủy một phần bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 30/2019/HNGĐ-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch về tài sản và công nợ. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch để giải quyết lại vụ án về phần tài sản theo quy định của pháp luật và quyết định về án phí, chi phí thẩm định định giá tài sản.

Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về tài sản: **Chị H và anh N** đều thừa nhận chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand I10 biển kiểm soát 88A-162.00 trị giá 280.000.000đ là tài sản chung của vợ chồng. Chiếc xe ô tô này do chị H, anh N vay ngân hàng để mua, ly hôn chị H để anh N tiếp tục sử dụng và phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị, còn anh N đề nghị giải quyết theo quy định. Hiện tại chiếc xe ô tô này do anh N đang quản lý và sử dụng nên tiếp tục giao cho anh N trực tiếp quản lý, sử dụng và phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H 140.000.000đ.

Chị H xác định thửa đất số 847 tờ bản đồ 18 diện tích 100m² tại khu vực Giếng Mận, thôn Chiến Thắng, xã Xuân Lôi, huyện Lập Thạch là tài sản riêng của anh N. Chị H kết hôn với anh N ngày 21/6/2017, sau khi kết hôn chị H và anh N sinh sống trên thửa đất số 847 tờ bản đồ 18, trên đất đã có 01 ngôi nhà;

theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 847, tờ bản đồ 18 được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho anh Nguyễn Thế N ngày 14/5/2015 (trước thời điểm vợ chồng đăng ký kết hôn) và trong hợp đồng thế chấp thửa đất trên để đảm bảo khoản vay của vợ chồng thì chị xác định chị và anh N ký thế chấp. Vì vậy xác định thửa đất số 847 tờ bản đồ 18 tại khu vực Giếng Mận, thôn Chiến Thắng, xã Xuân Lôi, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc là tài sản riêng của anh N.

Về nợ chung: Chị H và anh N thừa nhận ngày 10/7/2017, vợ chồng có vay Ngân hàng TMCP Quốc tế V 356.000.000đ để mua ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand I10 biển kiểm soát 88A-162.00 và dùng chiếc xe ô tô này thế chấp cho khoản vay 356.000.000đ đến nay chưa trả. Do chiếc xe ô tô đã giao cho anh N trực tiếp quản lý, sử dụng nên giao khoản nợ này cho anh N có trách nhiệm trả cho ngân hàng và chị H phải thanh toán chênh lệch cho anh N 1/2 số nợ trên.

Ngoài ra chị H, anh N có vay Ngân hàng số tiền 300.000.000đ vào ngày 23/6/2017. Trong hợp đồng tín dụng thể hiện mục đích vay số tiền này là để sửa chữa nhà nhưng theo chị H thực tế khi vay được số tiền trên thì vợ chồng chị không sửa chữa nhà mà anh N dùng số tiền này để đi trả nợ riêng của anh N nên anh N có trách nhiệm đối với khoản nợ này. Tuy nhiên theo hợp đồng tín dụng thì cả chị H và anh N đều ký vay, chị H không có tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc anh N dùng số tiền vay ngân hàng để sử dụng cho mục đích riêng của anh N. Vì vậy, xác định số nợ trên là nợ chung của vợ chồng chị H, anh N và cả hai đều có nghĩa vụ như nhau.

Để đảm bảo khoản vay 300.000.000đ thì anh N dùng tài sản riêng của mình là thửa đất số 847, tờ bản đồ 18 để thế chấp với ngân hàng. Do anh N dùng tài sản riêng của mình là thửa đất 847, tờ bản đồ 18 để bảo đảm khoản vay cho ngân hàng. Vì vậy sẽ giao khoản nợ này cho anh N trực tiếp trả nợ cho ngân hàng và chị H phải thanh toán chênh lệch cho anh N 1/2 số nợ trên.

Quá trình giải quyết anh N xác định có trả cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế V 56.000.000đ là tài sản riêng của anh và yêu cầu chị H thanh toán cho anh N một nửa. Chị H cũng xác định số tiền anh N trả cho Ngân hàng là khoản tiền riêng của anh, khi đó chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và không đồng ý trả cho anh N là không phù hợp bản thân chị cũng đã thừa nhận là số tiền riêng của anh N do vậy cần buộc chị H trả cho anh N một nửa số tiền là 28.000.000đ.

Ngày 20/7/2020, Tòa án nhận được yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Quốc Tế V về việc yêu cầu buộc chị H và anh N phải trả toàn bộ khoản nợ với tổng số tiền tạm tính đến ngày tính đến ngày 14/9/2020 nợ gốc là: 559,123,867đ; nợ lãi trong hạn: 109.402.655đ; nợ lãi quá hạn: 30.631.027đ. Tổng cộng 699.157.549đ. Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn phát sinh theo Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và theo quy

định của pháp luật cho đến ngày anh Nguyễn Thế N và chị Phan Thị Hải H thanh toán toàn bộ khoản vay.

Trường hợp anh N và chị H không trả hết nợ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP Quốc Tế V được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là:

Tài sản thứ nhất là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ tại: Khu vực Giếng Mận, thôn Chiến Thắng, xã Xuân Lôi, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác số BP 780787, sổ vào sổ cấp GCN: CS 00439 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 14/05/2015 cho ông Nguyễn Thế N.

Căn cứ bản án số 31/2020/HS-ST ngày 30/6/2020 của TAND huyện Tam Dương, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch tuyên Ngân hàng TMCP Quốc Tế V được quyền xử lý xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, số loại Grand, biển kiểm soát 88A-162.00, màu sơn trắng, số khung: MALA851AAJM609449, số máy: G3LAHM277467; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025578 do Phòng Cảnh sát giao thông – công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 06/7/2017 cho ông Nguyễn Thế N để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế V.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị tòa án tuyên anh N, chị H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế V.

Quá trình giải quyết chị H, anh N cũng thừa nhận việc anh chị có vay tiền của Ngân hàng TMCP Quốc tế V do vậy yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Quốc tế yêu cầu chị H và anh N trả nợ cho ngân hàng là phù hợp nên chấp nhận.

Sau khi cân đối giá trị tài sản và công nợ mà các bên được chia thì chị H phải thanh toán chênh lệch công nợ cho anh N là 209.578.770đ.

[5] Chi phí định giá tài sản là 600.000đ, số tiền này chị H đã nộp đủ, nay chị H tự nguyện nộp cả và không yêu cầu anh N phải thanh toán lại cho chị nên cần chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Quốc Tế V được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Trả lại cho ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.641.580đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2017/0007813 ngày 30/7/2020 của Chi Cục thi hành án huyện Lập Thạch. Chị H và anh N mỗi người phải chịu án phí yêu cầu độc lập 15.983.150đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 29, 33, 43, 60 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 165, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 465, Điều 466, Điều 467 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Điều

91, Điều 95 luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về tài sản: Giao cho anh Nguyễn Thế N quản lý, sử dụng: 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand I10 biển kiểm soát 88A-162.00 trị giá 280.000.000đ.

- Về công nợ: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Quốc tế V.

Buộc anh Nguyễn Thế N có trách nhiệm trả 02 khoản nợ Ngân hàng TMCP Quốc tế V theo hợp đồng tín dụng số 018CN292.HĐTD.17 ngày 23/6/2017 và số 018CN329.HĐTD.17 ngày 10/7/2017. Tổng số tiền tạm tính đến ngày tính đến ngày 14/9/2020 nợ gốc là: 559,123,867đ; nợ lãi trong hạn: 109.402.655đ; nợ lãi quá hạn: 30.631.027đ. Tổng cộng 699.157.549đ.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm anh N còn phải tiếp tục trả khoản lãi quá hạn phát sinh theo Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và theo quy định của pháp luật cho đến ngày anh Nguyễn Thế N thanh toán toàn bộ khoản vay.

Nếu anh N không thanh toán trả đủ số tiền nợ trên thì Ngân hàng TMCP Quốc Tế V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự huyện Lập Thạch xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để đảm bảo thi hành án. Tài sản thế chấp gồm:

Tài sản thứ nhất là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 847, tờ bản đồ số 18, địa chỉ tại Khu vực Giếng Mặn, thôn Chiến Thắng, xã Xuân Lôi, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, diện tích 100m², Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 780787 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 14/05/2015 cho ông Nguyễn Thế N. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có số công chứng 2702/2017/HĐTC, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Vĩnh Phú công chứng ngày 23/06/2017 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Tài sản thứ hai là: Xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, biển số: 88A-162.00. Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cấp ngày 06/07/2017 cho ông Nguyễn Thế N. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải có số công chứng 3218/2017/HĐTC, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Vĩnh Phú công chứng ngày 10/07/2017 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật (hiện chiếc xe ngân hàng đang quản lý theo bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2020/HSST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương).

Trường hợp xử lý hết tài sản đảm bảo nói trên vẫn không đủ để trả nợ thì anh N phải có trách nhiệm thanh toán số nợ còn lại.

Buộc chị H thanh toán cho anh N 28.000.000đ là khoản tiền riêng của anh N đã trả nợ ngân hàng.

Sau khi cân đối giá trị tài sản và công nợ mà các bên được chia thì buộc chị H phải thanh toán chênh lệch công nợ cho anh Nguyễn Thế N là 209.578.770đ.

Kể từ ngày anh N có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị H không tự nguyện thi hành khoản tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất 20%/năm của số tiền chưa trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chị H tự nguyện nộp 600.000đ, xác nhận chị H đã nộp đủ.

- Về án phí yêu cầu độc lập: Chị H và anh N mỗi người phải nộp 15.983.150đ.

Trả lại Ngân hàng TMCP Quốc Tế V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.641.580đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2017/0007813 ngày 30/7/2020 của Chi Cục thi hành án huyện Lập Thạch.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kết từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)**

Trần Thị Huệ